**HỌC KỲ II**

*Ngày soạn: 15/1*

*Ngày dạy:18/1-lớp 6ª ;19/1 6B*

**TIẾT 60 §9. QUY TẮC CHUYỂN VẾ - LUYỆN TẬP**

**( Thời lượng: 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: HS hiểu các tính chất của đẳng thức. HS hiểu và nắm được quy tắc chuyển vế.

***2. Kĩ năng***: HS và vận dụng đúng tính chất của đẳng thức và quy tắc chuyển vế khi giải bài tập.

***3. Thái độ***: Rèn luyện tính cẩn thận khi vận dụng tính toán, suy luận chặt chẽ cho HS

***4.Phát triển năng lực***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL sử dụng ngôn ngữ, NL làm chủ bản thân, NL tự học.

- Năng lực chuyên biệt: NL chuyển vế đồng thời đổi dấu.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn định tổ chức**

**2.Kiểm tra bài cũ (**Không kiểm tra**)**

**3.Khởi động .** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Hs thấy được khó khăn khi giải các bài toán tìm x

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: x = 5 + 3

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| Gv nhắc lại về bài toán tìm x ở tiểu học Hs đã học.  H: Với bài toán tìm x: x − 3 = 5, Cách tính thế nào? Hs thường gặp những khó khăn gì khi giải?  Gv đáp lời: thông qua bài học này ta sẽ tìm hiểu cách giải bài toán trên đơn giản hơn bằng quy tắc chuyển vế. | Hs nêu dự đoán cách tính dự trên kiến thức lớp 4  Và nêu những khó khăn gặp phải khi giải bài toán trên |

**4.Hình thành kiến thức:**

**HOẠT ĐỘNG 1. Tính chất của đẳng thức**

Mục tiêu: Hs nêu được một số tính chất cơ bản của đẳng thức

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Tính chất của đẳng thức

NLHT: NL tư duy, NL chủ động trong hoạt động học tập

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS quan sát hình 50 SGK và cho HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi .  - Nhận xét vì sao hai đĩa cân vẫn giữ thăng bằng trong cả hai trường hợp?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức*  GV: Giới thiệu các tính chất của đẳng thức. Tính chất thứ ba để HS vận dụng khi giải các bài toán tìm x , biến đổi biểu thức, giải phương trình | ***1.*** ***Tính chất của đẳng thức***:  **?1**  -Nhận xét: Vì khối lượng của vật trên hai đĩa cân bằng nhau nên nếu ta thêm hoặc bớt ở mỗi đĩa cân một khối lượng như nhau (ví dụ : 1kg) thì cân vẫn giữ thăng bằng.  ***Tổng quát*** :  Nếu a = b thì a + c = b + c  Nếu a + c = b + c thì a = b  Nếu a = b thì b = a |

**HOẠT ĐỘNG 2. Ví dụ**

Mục tiêu: Hs vận dụng được tính chất của đẳng thức để làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: kết quả của phép tính

NLHT: NL tư duy, NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV nêu ví dụ : Tìm x, biết x - 3 = 5yêu cầu HS  - Hai số như thế nào thì có tổng bằng 0?  - Thêm số nào vào hai vế của đẳng thức để vế trái chỉ còn x?  - HS làm ? 2 SGK  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***2)*** ***Ví dụ*** :  Tìm x ∈ Z biết : x − 3 = 5  x − 3 + 3 = 5 + 3  x + 0 = 8  x = 8  **? 2:** Tìm số nguyên x biết x + 4 = - 2  x + 4 + (- 4) = - 2 + (- 4)  x + 0 = - 6  x = - 6 |

**HOẠT ĐỘNG 3. Quy tắc chuyển vế**

Mục tiêu: Hs nêu được quy tắc chuyển vế và vận dụng được quy tắc trên để làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Quy tắc chuyển vế và phép tính của học sinh

NLHT: NL tư duy, NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV: Treo bảng phụ ghi sẵn nội dung:  Từ x - 2 = - 3  Ta được x = -3 + 2  Từ x + 4 = 3 Ta được x = 3 - 4  - Em có nhận xét gì khi chuyển vế một số hạng từ vế này sang vế khác của đẳng thức ?  - Nêu quy tắc chuyển vế.  - HS làm ? 3 SGK.  - GV: Lưu ý vd b) trước khi chuyển vế phải bỏ dấu ngoặc.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***Nêu quy tắc chuyển vế***  ***3.*** ***Quy tắc chuyển vế*** :  ***a)*** ***Quy tắc:*** (SGK)  ***b)*** ***Ví dụ :*** Tìm x ∈ z biết  a/ x - 4 = - 3  x = - 3 + 4  x = 1  b/ x − (−5) = 2  x + 5 = 2  x = 2 - 5  x = - 3  **? 3:** Tìm số nguyên x biết  x + 8 = (- 5) + 4  x + 8 = -1  x = - 1 - 8  x = - 9  \* Nhận xét: (SGK) |

**IV.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể. Hs Nhớ lại quy tác chuyển vế

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL giải các bài toán tìm x

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV: Cho HS làm bài tập 61a/sgk.tr87  GV: Gọi HS lên bảng trình bày.  GV: Yêu cầu HS làm bài tập 63/sgk.tr87  Hỏi: Vì tổng của ba số: 3; – 2 và x bằng 5 nên ta có đẳng thức gì ?  HS: Lên bảng trình bày tìm x.  GV: Cho HS làm bài tập 66/sgk.tr87  GV: Hỏi: Để giải bài toán này ta làm như thế nào ?  HS: Đứng tại chỗ trả lời.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức*  GV : yc hs nhắc lại quy tắc chuyển vế  - Bài tập 63.64 sgk  **- Giao việc về nhà:** - Học thuộc bài và làm bài tập 61b ; 62 ; 67 ; 68; 69; 70 ; 71/ Sgk.tr87+88  - Xem trước bài: NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU | **Làm bài trên bảng và ra vở**  **Bài tập 61a/Sgk.tr 87**:  Tìm x ∈ Z biết:  7 − x = 8 − (−7)  7 − x = 8 + 7  7 − x = 15  −x = 15 − 7 = 8  x = − 8  **Bài tập 63/Sgk.tr 87**:  Vì tổng của ba số: 3; – 2 và x bằng 5  Nên: 3 + (– 2) + x = 5  1 + x = 5  x = 5 – 1  x = 4  **Bài tập 66/Sgk.tr 87**:  4 – (27 – 3) = x – (13 – 4)  4 – 24 = x – 9  – 20 = x – 9  – 20 + 9 = x  – 11 = x  Vậy x = - 11  Phát biểu QT  -làm vào vở,tổ trưởng kt,kiểm tra chéo |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 61 **§10. NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU**

**(Thời lượng 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: Hiểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.

***2. Kĩ năng***: Tính đúng tích của hai số nguyên khác dấu.

**3. Thái độ**: Rèn luyện tính cẩn thận khi vận dụng tính toán, suy luận chặt chẽ cho HS.

***4. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL sử dụng ngôn ngữ, NL làm chủ bản thân, NL tự học.

- Năng lực chuyên biệt: NL nhân hai số nguyên khác dấu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** |
| - Nêu quy tắc chuyển vế.  - Tìm số nguyên x, biết:  4 – (27 – 3) = x – (13 – 4) | - Quy tắc (SGK) (4đ)  4 – (27 – 3) = x – (13 – 4) (3đ)  x = -20 + 9 = -11 (3đ) |

**3.Hình thành kiến thức**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Hs bước đầu nhận thấy khó khăn khi thực hiện phép nhân hai số nguyên khác dấu

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: (-2) . 3 = - 6

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ GV -HS** | **SẢN PHẨM** |
| Ta đã biết phép nhân hai số tự nhiên và dễ dàng tính được 2 . 3 Hỏi: (-2) . 3 = ? Để thực hiện phép nhân này ta làm như thế nào?  Tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu. | Hs nêu dự đoán |

**HOẠT ĐỘNG 2. Nhận xét mở đầu**

Mục tiêu: Bước đầu Hs có thể thực hiện được phép nhân hai số nguyên khác dấu dự trên kiến thức cũ

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả phép tính

NLHT: NL tư duy, NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV:Yêu cầu HS làm ?1, ?2, ?3 SGK.  - Nhắc lại quy tắc cộng hai số nguyên âm?  - Tính (−3) . 4 = (− 3) + (−3) + (−3) + (−3) = ?  (−5) . 3 = ? 2 . (−6) = ?  - Nhận xét gì về giá trị tuyệt đối và về dấu của tích hai số nguyên khác dấu?  VD: 5 . 3 = 5 + 5 + 5 = 15, từ phép nhân ta chuyển thành phép cộng vì hai số 5 và 3 cùng dấu. Vì vậy trong tập hợp Z các số nguyên có thể cùng dấu có thể khác dấu, TH cùng dấu (+) thì kết quả như nhân hai số tự nhiên còn TH khác dấu ta phải định nghĩa phép nhân như ?1 thì mới đảm bảo yêu cầu về dấu.  - GV: Qua 3 VD trên hãy đề xuất quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **1.** ***Nhận xét mở đầu*** :  **?1:** (−3) . 4 = (− 3) + (−3) + (−3) + (−3) = − 12  **?2:** (−5) . 3 = − 15  2 . (−6) = − 12  **?3:** - Giá trị tuyệt đối của tích bằng tích các giá trị tuyệt đối.  - Tích hai số nguyên khác dấu mang dấu âm (luôn là số âm). |

**HOẠT ĐỘNG 3. Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu**

Mục tiêu: Hs nêu được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu và vận dụng vào tính toán

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu và kết quả phép tính

NLHT: NL nhân hai số nguyên khác dấu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV: Qua 3 VD trên hãy đề xuất quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.  - Nêu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu?  - Số tiền nhận được của công nhân A khi làm được 40 sản phẩm đúng quy cách là bao nhiêu ?  - Số tiền công nhân A bị phạt khi làm ra 10 sản phẩm sai quy cách ?  - Vậy lương của công nhân A là bao nhiêu ?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***2. Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu*** :  ***a) Quy tắc***: (SGK)  ***b) Ví dụ:*** 2 . (- 4) = -(. ) = - 8  \* ***Chú ý*** (SGK)  ***Ví dụ*** (SGK)  Khi làm một sản phẩm sai quy cách bị trừ đi 10000đồng, có nghĩa là được thêm − 10000đồng. Vậy lương của công nhân A tháng vừa qua :  40 . 20000 + 10 . ( −10000)  = 800000 − 100000 = 700000 đồng  **?4:**  a) 5 . ( −14) = − 70 b) ( −25) . 12 = − 300 |

**IV.****LUYỆN TẬP CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv tổ chức cho hs làm bài tập  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Làm vào vở ,lên bảng**  **Bài tập 73/sgk.tr89:**  a) (−5) . 6 = − 30 b) 9. (−3) = − 27  c) ( −10) . 11 = − 110 d) 150 . ( −4) = − 600  **Bài tập 74/sgk.tr89:**  Từ: 125 . 4 = 500 suy ra:  a) ( −125) . 4 = − 500  b) ( −4) . 125 = − 500  c) 4 . ( −125) = − 500  **Bài tập 75/sgk.tr89:**  a) ( −67) . 8 < 0  b) Vì 15 . (−3) < 0 và 0 < 15 nên 15 . (−3) < 15  c) Vì (−7) . 2 = − 14 nên (−7) . 2 < − 7 |

**Giao việc**

- Học bài theo SGk và vở ghi.

- Ghi nhớ: Số âm . số dương = số âm - BTVN: 75; 76 ; 77 SGK/89.

Đọc bài “ NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 62

**§11. NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU**

**(Thời lượng: 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: Hiểu quy tắc nhân hai số nguyên

***2. Kĩ năng***: Biết vận dụng quy tắc để tính tích các số nguyên

***3. Thái độ***: Rèn luyện tính cẩn thận khi vận dụng tính toán, suy luận chặt chẽ cho HS.

***4. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL sử dụng ngôn ngữ, NL làm chủ bản thân, NL tự học.

- Năng lực chuyên biệt: NL nhân hai số nguyên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ôn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ GV-HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Nêu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.  - Tính: 3 . (- 4); 2 . (- 4); 1 . (-4); 0 . (-4) | - Quy tắc (SGK) (4đ)  Hs tính đúng (6đ) |

**3. Khởi động**

**HOẠT ĐỘNG 1.** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Bước đầu Hs thấy được sự khó khăn khi thực hiện phép nhân hai số nguyên âm

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: (- 7).(- 8) = 56

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ GV -HS** | **SẢN PHẨM** |
| Từ kết quả phần kiểm tra bài cũ, Gv đặt câu hỏi  Ta có thể thực hiện được phép tính 7 . 8 và (- 7).8 hoặc 7 . (- 8). Hỏi (- 7).(- 8) =? | Hs nêu dự đoán |

**4. Hình thành kiến thức:**

**HOẠT ĐỘNG 2. Nhân hai số nguyên dương**

Mục tiêu: Hs thực hiện được phép nhân hai số nguyên dương

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả phép tính

NLHT: NL tư duy, NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SSẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm làm ?1 .  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***1.***  ***Nhân hai số nguyên dương*** :  Nhân hai số nguyên dương như nhân hai số tự nhiên khác 0  ?1 a) 12 . 3 = 36 b) 5 . 120 = 600 |

**HOẠT ĐỘNG 3. Nhân hai số nguyên âm**

Mục tiêu: Hs nêu được quy tắc nhân hai số nguyên âm và áp dụng thực hiện được phép tính

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Quy tắc nhân hai số nguyên âm và kết quả phép tính

NLHT: NL nhân hai số nguyên âm

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS làm ?2 .  - Quan sát cột các vế trái có thừa số nào giữ nguyên ? Thừa số nào thay đổi?.  - Kết quả tương ứng bên vế phải thay đổi như thế nào ?  - Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên âm ?  - Nêu nhận xét về tích của hai số nguyên âm ?  - Tính a) 5 . 17 b) (-15) . (-6)  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***2.*** ***Nhân hai số nguyên âm*** :  ?2 (- 1) . (- 4) = 4  (- 2) . (- 4) = 8  a) ***Quy tắc*** (SGK)  b) ***Ví dụ***: (- 5) . (- 7) = 5 . 7 = 35  (-12) . (- 6) = 12 . 6 = 72  ***Nhận xét:***  Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên dương. |

**HOẠT ĐỘNG 4. Kết luận**

Mục tiêu: Hs trình bày được phần tổng quát kiến thức đã học và nhận biết dấu của tích

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Nội dung phần kết luận

NLHT: NL Tư duy,NL nhân hai số nguyên

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **G**V yêu cầu HS  - Đọc phần kết luận trong SGK.  - GV: Giải thích đối với hai trường hợp a, b cùng dấu và a, b khác dấu.  - HS nêu chú ý SGK.  - Cho a>0 . Hỏi b là số nguyên dương hay nguyên âm nếu:  a) Tích a.b là số nguyên dương?  b) Tích a.b là số nguyên âm?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***3. Kết luận:***  a . 0 = 0 . a = 0  Nếu a ; b cùng dấu thì a . b = |a| . |b|  Nếu a ; b khác dấu thì a . b = − (|a| . |b|)  ***Chú ý*** :  (+) . (+) → (+) (−) . (−) → (+)  (+) . (−) → (−) (−) . (+) → (−)  a . b = 0 thì hoặc a = 0 hoặc b = 0.  Khi đổi dấu một thừa số thì tích đổi dấu..  Khi đổi dấu 2 thừa số thì tích không thay đổi.  ?4  a) Do a > 0 và a . b > 0 nên b > 0  b) Do a > 0 và a . b < 0 nên b < 0 |

**IV.****LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh, Nắc quy tắc nhân hai soosnguyeen cùng dấu và khác dâu.

NLHT: NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Cho HS làm bài tập 78/sgk.tr91. Gọi 5HS lên bảng trình bày.  HS: 5HS lên bảng làm bài  GV: Yêu cầu HS làm bài tập 79/sgk.tr91. Cho HS tính: 27 . (−5)  H: Dựa vào cách nhận biết dấu của tích suy ra các kết quả còn lại.  HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **HS Biết làm vào vở, lên bảng làm**  **Bài tập 78/Sgk.tr91:**  a) (+3) . (+9) = 27  b) (−3) . 7 = −21  c) 13 . (−5) = − 65  d) (−150) . (−4) = 600  e) (+7) . (−5) = − 35  **Bài tập 79/Sgk.tr91:**  Từ 27 . (−5) = − 135 suy ra:  (+27). (+5) = 135  (−27) .(+5) = − 135  (−27). (−5) = + 135  (+5). (−27) = − 135 |

**Giao việc về nhà: Học thuộc bảng dấu nhân**

- Học bài theo SGK và vở ghi.

- BTVN: 80 ; 81 ; 82 ; 83 SGK/ 91, 92.

**-Chuẩn bị cho tiết luyện tập**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày tháng năm 2021**

**KÝ DUYỆT CM**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 63 LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: HS nắm vững quy tắc nhân hai số nguyên.

***2. Kĩ năng***: Vận dụng thành thạo quy tắc dấu để tính tích các số nguyên. Biết sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện phép tính nhân hai số nguyên. Rèn luyện tính cẩn thận chính xác trong khi giải bài tập.

***3. Thái độ***: Rèn luyện tính cẩn thận khi vận dụng tính toán, suy luận chặt chẽ cho HS.

***4. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL sử dụng ngôn ngữNL tự học, NL hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: NL nhân hai số nguyên, NL sử dụng MTBT.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ôn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ GV-HS** | **Đáp án** | **Điểm** |
| - HS1 : - Nêu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.  - Áp dụng tính: (-12) . 25  - HS2: - Nêu quy tắc nhân hai số nguyên âm (5 điểm)  Tính: (-17) . (-8) | - Quy tắc (SGK)  (-12) . 25 = -300  - Quy tắc (SGK)  (-17) . (-8) = 136 | (5 điểm)  (5 điểm)  (5 điểm)  (5 điểm) |

**3. Khởi động**

**HOẠT ĐỘNG 1.** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Hs bước đầu nhận thức được có thể so sánh hai số mà không cần phải thực hiện phép tính

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: (−17).5 < (−5).(−2).

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ GV -HS** | **SẢN PHẨM** |
| Ta có thể so sánh bất kì hai số nguyên cho trước. Nhưng nếu không thực hiện phép tính mà so sánh (−17).5 với (−5).(−2) thì ta có thể so sánh được không? Nếu có thì ta làm thế nào? | Hs nêu dự đoán |

**III.LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL Tư duy,NL nhân hai số nguyên, NL sử dụng MTBT

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **Bài 81, 82 SGK/91, 92. Hoạt động nhóm.**  GV yêu HS trả lời câu hỏi:  - Tổng số điểm của bạn Sơn là ?  - Tổng số điểm của bạn Dũng là?  - Bạn nào điểm cao hơn?  - Hãy nêu nhận xét về dấu của tích ?  - So sánh(−7).(−5) với 0; (−17).5 với 0; (−5).(−2) với 0  - So sánh (−17).5 với (−5).(−2)  - So sánh(+19).(+6) với (−17).(−10).  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Chữa bài tập**  ***Bài 81 SGK/91***:  Tổng số điểm của bạn Sơn là :  3 . 5 + 1 . 0 + 2 .(−2) = 15 + 0 + (−4) = 11  Tổng số điểm của bạn Dũng  2 . 10 + 1 (−2) + 3 . (−4) = 20 − 2 − 12 = 6  Vậy bạn Sơn được số điểm cao hơn.  ***Bài 82 SGK/92***:  a) (−7) . (−5) > 0  b) Vì (−17) . 5 < 0 và (−5) . (−2) > 0  Nên (−17) . 5 < (−5) . (−2)  c) (+19) . (+6) < (−17) . (−10). Vì 114 < 170 |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **Bài 84, 85, 88 SGK/92, 93. Hoạt động cá nhân.**  GV yêu HS trả lời câu hỏi:  - Nhắc lại nhận xét dấu của tích?  - Tính  a) (−25) . 8  b) 18 . (−15)  c) (−1500). (−100)  d) (−13)2  - Nếu x = 0 thì (- 5) . x = ?  - Nếu x > 0 thì (- 5) . x = ?  - Nếu x < 0 thì (- 5) . x = ?  - Dùng máy tính bỏ túi để tính:  a) (-1356) . 17  b) 39. (-1520=  c) (-1909) . (-75)  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **luyện tập**  ***Bài 84 SGK/ 92*** :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Dấu của a | Dấu của b | Dấu của  a. b | Dấu của  a. b2 | | + | + | + | + | | + | − | − | + | | − | + | − | − | | − | − | + | − |   ***Bài 85 SGK/ 93*** :  a) (−25) . 8 = − 200  b) 18 . (−15) = − 270  c) (−1500). (−100) = 150000  d) (−13)2 = 169  ***Bài 88 SGK /93*** :  − Nếu x = 0 thì (−5) . x = 0  − Nếu x < 0 thì (−5) . x > 0  − Nếu x > 0 thì (−5) . x < 0  ***Bài 89 SGK /93*** :  Dùng máy tính bỏ túi để tính:  a) (-1356) . 17 = -23052  b) 39. (-1520 =-59280  c) (-1909) . (-75) =85905 |

**Giao việc về nhà**

- Hướng dẫn HS sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện phép nhân như SGK/ 93.

- Xem lại bài giải và làm bài tập 83, 87, 89 SGK/92,93.

- Đọc trước bài: **Tính chất của phép nhân**.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 64

**§12. TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: Hiểu các tính chất cơ bản của phép nhân. Biết tìm dấu của tích nhiều số nguyên.

***2. Kĩ năng***: Bước đầu có ý thức và biết vận dụng các tính chất trong tính toán.

***3. Thái độ***: Rèn luyện tính cẩn thận khi vận dụng tính toán, suy luận chặt chẽ cho HS.

***4. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL sử dụng ngôn ngữ, NL tự học, NL hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: NL vận dụng các tính chất của phép nhân, NL sử dụng MTBT.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổ định tổ chức**

**2 Kiểm tra bài cũ : không kết hợp phần khởi động**

**3. Khởỉ động**

**HOẠT ĐỘNG 1.** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Bước đầu Hs thấy được tính chất của phép nhân các số tự nhiên và số nguyên giống nhau

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Các tính chất của phép nhân các số tự nhiên

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **SẢN PHẨM** |
| Hãy nhắc lại tính chất của phép nhân các số tự nhiên? Số nguyên có những tính chất nào? Có giống với tính chất trên tập hợp số tự nhiên không? | Hs nêu dự đoán.tính chất phép nhân số nguyên giống tc nhân số tự nhiên |

**4. Hình thành kiến thức**

**HOẠT ĐỘNG 2. Tính chất giao hoán**. **- Hoạt động cá nhân**

Mục tiêu: Hs nêu được tính chất giao hoán và vận dụng tính toán

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: tính chất giao hoán, phép tính của học sinh

NLHT: NL Tư duy,NL nhân hai số nguyên

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  - Nêu tính chất của phép nhân trong N?  - Nêu tính chất giao hoán trong Z?  - Tính: (-3) . 4 = 4 . (-3) = -12  (-5) . (-7) = (-7) . (-5) = 35  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **1. Tính chất giao hoán**  a . b = b . a a ; b ∈ Z  ***- Ví dụ:*** (-3) . 4 = 4 . (-3) = -12  (-5) . (-7) = (-7) . (-5) = 35 |

**HOẠT ĐỘNG 3. Tính chất kết hợp. - Hoạt động cá nhân**

Mục tiêu: Hs trình bày được tính chất kết hợp và vận dụng tính toán

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm::tính chât kết hợp Các phép tính của hs

NLHT: NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS:  - Nêu tính chất kết hợp?  - Nêu chú ý SGK  - Tích chứa 1 số chẵn thừa số nguyên âm có dấu gì?  -Tích chứa 1 số lẻ thừa số nguyên âm có dấu gì?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***2.*** ***Tính chất kết hợp*** :  (a . b) . c = a (b . c)  a ∈ Z ; b ∈ Z ; c ∈ Z.  ***- Ví dụ:*** [(-2) . 8] . (-6) = (-2) . [8 . (-6) ] = 92  ***Chú ý*** :(SGK)  **?1:** Tích chứa 1 số chẵn thừa số nguyên âm mang dấu “ +”  **?2:** Tích chứa 1 số lẻ thừa số nguyên âm mang dấu “-“  ***Nhận xét*** (SGK) |

**HOẠT ĐỘNG 4. Nhân với 1 và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng - Hoạt động nhóm**

Mục tiêu: Hs trình bày được hai tính chất trên và vận dụng làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả tính toán của học sinh

NLHT: NL Tư duy,NL vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV yêu cầu HS:  - Nêu tính chất nhân với 1 ?  - Tính a . (−1) = (−1) . a= ?  - Làm ?4.  - Nêu tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng ?  - Tính: (-9) (2 + 5)  - Nêu chú ý SGK  - Làm ?5.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***3.*** ***Nhân với 1*** :  a . 1 = 1 . a = a a ∈ Z  **?4:** Bạn Bình nói đúng chẳng hạn 2 -2  nhưng 22 = (-2)2 = 4  ***4.*** ***Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng*** :  a (b + c) = ab + ac  **- Ví dụ:** (-9) (2 + 5) = (-9) . 2 + (-9) . 5  = (-18) + (-45) = -63  ***Chú ý*** : Tính chất trên cũng đúng đối với :  a (b −c) = ab − ac  **?5:**  a) (−8)(5+3) = (−8).8 = − 64  (−8)(5+3) = − 40 − 24 = − 64  b) (−3 + 3).(−5) =0 . (−5)= 0  (−3 + 3).(−5) = (-3).(-5)+{3.(-5)} = 15 + (-5) = 0 |

**IV.****LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh: Làm bàì tập lên bảng chữa

NLHT:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  GV cho Hs thảo luận phương án làm bài tập 91.93 sgk. Sau đó gọi hs lên bảng trình bày.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***Bài 91 SGK / 95*** :(M3)  a) −57 . 11 = −57 (10 + 1) = − 57 . 10 + ( −57) . 1  = −570 + (−57) = − 627  ***Bài 93 SGK / 95*** :(M3)  a) (-4) . (+125). (-25) . (-6). (-8)  ={(-4).(-25)}. {(125.(-8)}.(-6)  =100.{(-1000). (-6)}=100. 6000 = 600000 |

**Giao việc vn**

- Học bài theo SGK và vở ghi.

- BTVN: 90 ; 91b) ; 92b) ; 93, 94, 96,97 SGK/ 95.

- Chuẩn bị bài cho tiết học sau.: LUYỆN TẬP

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết: 64 LUYỆN TẠP**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: Củng cố các tính chất cơ bản của phép nhân và nhận xét của phép nhân nhiều số, phép nâng lên luỹ thừa.

***2.Kỹ năng****:* Áp dụng các tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh giá trị biểu thức, biến đổi biểu thức, xác định dấu của tích nhiều số.

***3.Thái độ***: Nghiêm túc, tích cực

***4. Định hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: NL tư duy, NL tính toán, NL tự học, NL sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: NL tính tích các số nguyên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn định tổ chức**

**2.Kiểm tra bài cũ**

Nêu các tính chất của phép nhân các số nguyên và viết công thức tổng quát cho từng tính chất ? (10đ)

Đáp án: sgk. (Nêu đúng mỗi tính chất được 2,5 đ)

**3.. Khởi động**

**4: Hình thành kiến thức**

**IV.****LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL tư duy, NL tính toán

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Giải thích vì sao (-1)3 = -1?  ?: Còn có số nguyên nào khác mà lập phương của nó cũng bằng chính nó  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Thực hiện phép tính**  **Bài 95 trang 95 SGK**  (-1)3 = (-1).(-1).(-1) = (-1).  Còn có: 13 = 1  03 = 0. |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  ?: Nhắc lại các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng?  ?: Tính: a) 237.(-26) + 26.137  b)63.(-25) + 25.(-23)  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài 96 trang 95 SGK**   1. 237.(-26) + 26.137   = (137 + 100).(-26) + 26.137  = 137.(-26) + 100.(-26) + 26.137  = 137.(-26) + 26.137 + 100.(-26)  = 137.(26 – 26) + 100.(-26)  =100.(-26) = - 2 600   1. 63.(-25) + 25.(-23)   = 63.(-25) + 23.(-25) = (63 + 23).(-25)  = 86.(-25) = - 2150 |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **GV yêu cầu:**  **-** Xét xem bài toán áp dụng được tính chất nào để suy ra số cần điền ?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***Tính giá trị của biểu thức***  **Bài 99 trang 96 SGK**: Điền số thích hợp vào ô trống:   1. -7 . (-13) + 8 . (-13)   = (-7 + 8) . (-13) = -13  b) (-5) . (-4 - -14 )  = (-5) . (-4) - (-5) . (-14) = - 50 |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  ?: Để tính giá trị của biểu thức ta cần làm như thế nào?  ?: Thay giá trị a; b bằng những giá trị nào?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài 98 trang 96 SGK:** Tính giá trị của biểu thức:   1. Thay a = 8 ta có :   (-125).(-13).(-8) = [(-125).(-8)].(-13)  = 1000.(-13) = -13 000  b)Thay b = 20 ta có :  (-1).(-2).(-3).(-4).(-5).20 = -2400. |

**Giao việc về nhà**

- Ôn lại các tính chất của phép nhân trong Z.

- Làm bài tập: 142, 143, 144, 145, 146, 149/72, 73 SBT.

- Ôn tập bội và ước của số tự nhiên, tính chất chia hết của một tổng.

**-** Đọc trước bài: Bội và ước của một số nguyên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 65**

**§13. BỘI VÀ ƯỚC CỦA SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức****:*HS nắm được các khái niệm bội và ước của một số nguyên, khái niệm chia hết cho. Hiểu được 3 tính chất có liên quan với khái niệm chia hết cho.

***2. Kĩ năng****:* Biết tìm bội và ước của một số nguyên.

***3. Thái độ***: Cẩn thận, chính xác.

***4. Hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ; NL tư duy, tìm bội và ước của số nguyên..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổ định tổ chức**

**2 Kiểm tra bài cũ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Với a, b  N,  Khi nào thì ta nói a chia hết cho b ? (3 đ)  Khi nào a là bội của b? Khi đó b là gì của a ? (3 đ)  Tìm các bội, các ước của 6 trong tập N (4 đ) | Với a, b N,  a b nếu có số tự nhiên q sao cho a = b . q.  Nếu  thì a là bội của b và b là ước của a.    Ư(6) = {1; 2; 3; 6} | 3đ  3đ  2đ  2đ |

**3. Khởi động**

**HOẠT ĐỘNG 1.** Tình huống xuất phát (mở đầu)

Mục tiêu: Bước đầu Hs nhận thấy sự khó khăn khi tìm bội và ước của số nguyên

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Dự đoán của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ GV -HS** | **SẢN PHẨM** |
| Trong tập hợp N, em đã tìm được Ư(6) = {1; 2; 3; B(6) = {0; 6; 12; 18; 24...}. Nhưng để tìm Ư(-6); B(-6) ta làm như thế nào? | Hs nêu dự đoán |

**4.Hình thành kiến thức**

**HOẠT ĐỘNG 2. *Bội và ước của một số nguyên* - *Cá nhân + cặp đôi***

Mục tiêu: Hs tìm được bội và ước của một số nguyên

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả tính toán của học sinh

NLHT: NL hợp tác, giao tiếp; NL tính toán; NL tìm ước, bội của số nguyên

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **+** Làm bài tập ?1.  **+** HS đọc đề và làm ?2.  Gợi ý: Tương tự, khái niệm a  b trong N.  **?** Hãy tìm các ước của 6 và của -6 ?  **+** Nhận xét hai tập hợp trên ?  **GV:** Ta thấy 6 là bội của 3; - 6 cũng là bội của 3. Kết luận gì về hai số nguyên -6 và 6?  **?** Ta thấy 0 chia hết cho mọi số nguyên khác không, ví dụ: 0  2; 0  (-5), có kết luận gì ?  **?** Cho biết phép chia được thực hiện khi nào?  ? số 0 có phải là ước của mọi số nguyên không?  **GV:** Ta thấy mọi số nguyên đều chia hết cho 1 và -1. Ví dụ: 9  (-1); 9  1; (-5) 1; (-5) (-1)...  Từ đó em có kết luận gì?  **GV:** Ta có 12  3; (-18)  3. Theo định nghĩa phép chia hết, 3 là gì của 12 và -18?  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức*  **+** Hai số nguyên đối nhau có tập ước, tập bội bằng nhau.  **+** Hai số nguyên đối nhau cùng là bội, cùng là ước của một số nguyên | **1. Bội và ước của một số nguyên.**    6 = 1.6 = (-1).(-6) = 2 . 3 = (-2) . (-3)  -6 = 1.(-6) = 6.(-1) = (-2).3 = (-3) . 2    **Khái niệm**: *Cho a, b Z và b0*  *Nếu có số nguyên q sao cho:* ***a = b . q*** *thì a chia hết cho b (**)*  *Ta còn nói a là bội của b và b là ước của a.*    Ư(6) = {-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6}  Ư(-6) = {-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6}  Ư(-6) = Ư(-6)  B(6) = {0; -6; 6; -12; 12; -18; ...}  B(-6) = {0; -6; 6; - 12; 12; - 18; ...}  B(6) = B(-6)  \* **Chú ý:** (sgk \_ T96)    Bài tập:  Ư(10) = {1; -1; 2; -2; 5; -5; 10; -1}  B(5) = {0; - 5; 5; -10; 10; ...} |

**HOẠT ĐỘNG 3. *Tính chất* - *Cá nhân + cặp đôi***

Mục tiêu: Hs nêu được tính chất về tính chia hết của số nguyên, và áp dụng làm bài tập cụ thể

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả tính toán của học sinh

NLHT: NL hợp tác, giao tiếp; NL tính toán; NL tư duy

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  + Ta có 12  (-6) và (-6)  2. Em kiểm tra xem 12 có chia hết cho 2 không và nêu kết luận ?  + Phát biểu tính chất 1 và tổng quát SGK.  **GV:** Nhắc lại dạng tổng quát bội của một số a  là :  **am (m  Z)**  **+** Tìm 4 bội của 2.  **?** Ta có 4  2 thì 8; -8; -12; 24 có chia hết cho 2 không ?  **+** Phát biểu tính chất 2 và tổng quát SGK.  **GV:** Cho HS nhắc lại tính chất 1 trong bài tính chất chia hết của một tổng trong tập N.  **GV:** Giới thiệu tính chất này cũng đúng trong tập hợp Z.  **+** HS đọc tính chất 3 và viết dạng TQ  - Làm ?4  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **2. Tính chất.**  Ví dụ 1: 12  (-6) và (-6)  2.=> 12  2  T/c 1: **a  b và b c => a  c**  Ví dụ 2 : 4  2 => 4. (-3)  2  T/c 2:  **a  b => am  b (m  Z)**  Ví dụ 3 : 12  4 và -8  4.  => [12 + (-8)]  4 và [12 - (-8)]  4  T/c 3:  **a  c và b  c => (a + b)  c**  **và (a - b)  c**    Ba bội của 5 là - 5; 5; 10. |

**IV.****LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv cho Hs thảo luận bài tập 102.103. Gọi Hs lên bảng trình bày.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | Bài 102(sgk)  Ư(-3) = {1; - 1; 3; - 3} ; Ư(6) = {1; - 1; 2; -2; 3; - 3; 6; -6} ; Ư(-1) = {1; -1}  Câu 3: Làm bài 105(sgk) (M3)  Bài 105(sgk) Điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 42 |  | 2 | - 26 | 0 | 9 | | b | - 3 | - 5 |  |  | 7 | - 1 | | a:b |  | 5 | - 1 |  |  |  | |

**Giao việc về nhà**

Nắm vững tích chất chia hết trong tập Z, k/n ước và bội của số nguyên

Làm bài 101, 103, 104, 106(sgk) và 156 – 158(sbt). Ôn tập chương II.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày tháng năm 2021**

**KÝ DUYỆT CM**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 66 ÔN TẬP CHƯƠNG II( Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức* :** Ôn tập hệ thống các kiến thức đã học về tập hợp Z.

***2. Kỹ năng* :** Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập. Rèn luyện, bổ sung kịp thời các kiến thức chưa vững.

***3. Thái độ***: Cẩn thận, chính xác, tự giác, tích cực.

***4. Hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ; NL tư duy, hệ thống các kiến thức đã học về số nguyên..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTB

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Ổ định tổ chức**
2. **Kiểm tra bài cũ (**Không kiểm tra**)** kết hợp phần khởi động
3. **Khởi động**

**HĐ 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC:**

Mục tiêu: Hs được hệ thống hóa các kiến thức liên quan để làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Câu trả lời của Hs

NLHT: NL tư duy, tái hiện kiến thức, NL ngôn ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **+** HS đọc đề câu 1 và lên bảng làm.  **+** *Em hãy nhắc lại khái niệm về hai số đối nhau ?*  **+** HS trả lời câu 2  **+** HS đọc đề và trả lời câu hỏi 3.  **+** Hãy phát biểu qui tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu. Cho ví dụ minh họa.  **+** Phát biểu qui tắc trừ 2 số nguyên và viết dạng tổng quát.  **+** Phát biểu qui tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu và khác dấu? Cho ví dụ minh họa  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **I. Trả lời câu hỏi ôn tập**  **Câu 1:**  Z ={...; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3;…}  **Câu 2**  a) Số đối của số nguyên a là –a  b) Số đối của số nguyên a có thể là số nguyên dương, là số nguyên âm, là số 0.  c) Số nguyên bằng số đối của nó là 0.  **Câu 3**  a)GTTĐ của số nguyên a (SGK).  b)GTTĐ của số nguyên a là một số không âm.  **Câu 4: (sgk)** |

**III.****LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL hợp tác, giao tiếp; NL công cụ, tính toán; NL tư duy, thực hiện phép tính

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Làm các bài tập 107 đến 111 sgk  Bài 107: vẽ trục số, yêu cầu HS đọc đề và lên bảng trình bày.  *Gợi ý:* Hai số đối nhau thì có giá trị tuyệt đối bằng nhau và giá trị tuyệt đối là một số không âm.  + Em nhắc lại cách so sánh số nguyên dương, số nguyên âm với số 0 ?  Bài 108: Quan sát trục số trả lời  Bài 109: Quan sát trên bảng phụ trả lời  Bài 110: Thảo luận theo cặp đôi trả lời  Bài 111: Áp dụng quy tắc các phép tính và quy tắc dấu ngoặc thực hiện  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài 107a(118 sgk)**    **Bài 107b,c/98 (SGK)**  b)    c) So sánh:  a < 0; - a = | a | = | a | > 0  - b < 0; b = | b | = | -b | > 0  **Bài 108/98 SGK**  - Khi a > 0 thì –a < 0 và – a < a  - Khi a < 0 thì –a > 0 và – a > a  **Bài 109/98 SGK:**  Sắp xếp các năm sinh theo thứ tự thời gian tăng dần:  -624; -570; - 287; 1441; 1596; 1777; 1885  **Bài 110(sgk)**  a) S; b) Đ; c) S; d) Đ  **Bài 111a,b,c/99 SGK:**  a) [(-13)+(-15)] + (-8) = (-28) + (-8) = - 36  b) 500 – (- 200) – 210 – 100  = 500 + 200 – 210 – 100 = 390  c) – (-129) + (-119) – 301 +12  = 129 – 119 – 301 + 12 = 279 |

**Giao việc về nhà**

+ Chuẩn bị câu hỏi 5 phần ôn tập SGK.

+ Làm bài 114, 115, 116, 117/99 SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 67 ÔN TẬP CHƯƠNG II (tiếp)**

**I. MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức* :** Tiếp tục hệ thống các kiến thức đã học trong chương II

***2. Kỹ năng***: - Rèn kỹ năng tính toán, trình bày lời giải.

***3. Thái độ*:** Cẩn thận, chính xác.

***4. Hướng phát triển năng lực:***

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực ngôn ngữ; NL tư duy

- Năng lực chuyên biệt: NL thực hiện các phép tính về số nguyên, NL trình bày, NL tính nhẩm, tính nhanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ (**Không kiểm tra**)** kết hợp ôn tập

**3.Khởi động:**

**HĐ 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC:**

Mục tiêu: Hs được hệ thống hóa các kiến thức liên quan để làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Câu trả lời của Hs

NLHT: NL tư duy, tái hiện kiến thức, NL ngôn ngữ

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  **+** Học sinh viết các tính chất của phép cộng và phép nhân  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **I. Lý thuyết**  **Câu 5:**  Viết dạng tổng quát của tính chất phép cộng, phép nhân các số nguyên  1) Giao hoán: **a + b =** b + a , **a . b =** b. a  2) Kết hợp:  **(a + b) + c =** a + (b + c);  **(a . b) . c =** a . (b . c)  3) Cộng với số 0: **a + 0 = 0 + a = a**  - Nhân với 1: **a . 1 = 1 . a =** a  4) Cộng với số đối: **a + (-a) =** (-a) + a = 0  5) T/chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng  **a . (b + c) =** a . b + a . c |

**IV.****LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG-CỦNG CỐ**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL hợp tác, giao tiếp; NL tính toán; NL tư duy, thực hiện phép tính

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Làm bài 114 sgk  + Liệt kê các số nguyên x sao cho: - 8 < x < 8  + Áp dụng các tính chất đã học của phép cộng tính nhanh tổng các số nguyên trên.  + Nêu các bước thực hiện.  + HS lên bảng trình bày.  **Làm bài 119 sgk**  **+** HS đọc đề và hoạt động cặp đôi  **+ N**êu các bước thực hiện.  Áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép trừ.  **+** 2 HS lên bảng trình bày.  **Làm bài 118 sgk**  **+** Nêu cách tìm thành phần chưa biết của các phép tính  a) Tìm số bị trừ, thừa số chưa biết.  b) Tìm số hạng, thừa số chưa biết.  c) Tìm giá trị tuyệt đối của 0 và số bị trừ chưa biết.  Hoặc: Giải thích theo qui tắc chuyển vế.  **GV:** nêu bài tập:  a) Tìm các ước của – 12.  b) Tìm 5 bội của – 4  **+** 2 HS lên bảng thực hiện  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **II. Bài tập**  **Bài 114 (sgk)**  a) Vì: -8 < x < 8  x  {-7; -6; -5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7}  Tổng là:  (-7+7)+(-6+6)+(-5+5)+(-4+ 4) + (-3 + 3) + (-2 + 2) + (-1 + 1) + 0 = 0  b) Tương tự: Tổng bằng -9  **Bài 119(sgk – T100)**  Tính bằng hai cách:  a) 15 . 12 – 3 . 5 . 10 = 15 . 12 – (3 . 5) . 10  = 15 . 12 – 15 . 10 = 15 . (12 - 10) = 15 . 2 = 30  Cách 2: (*Tính các tích rồi trừ*)  b) 45 – 9 . (13 + 5) = 45 – (9 . 13 + 9 . 5)  = 45 – 9 . 13 – 9 . 5 = 45 – 117 – 45 = - 117  Cách 2: (*Tính trong dấu ngoặc tròn, nhân, trừ*)  **Bài 118(sgk – T99)**  Tìm số nguyên x biết:  a) 2x - 35 = 15  2x = 15 + 35 = 40  x = 40 : 2 = 20  b) 3x + 17 = 2  3x = 2 – 17 = - 15  x = -15 : 3 = -5  c) | x – 1| = 0 => x – 1 = 0 => x = 1  **Bài tập:**  a) Tìm các ước của – 12. b) Tìm 5 bội của – 4  Giải:  a) Ư(-12) = {-1; 1; -2; 2; -3; 3; -4; 4; -6; 6; -12; 12.  b) 5 bội của – 4 là: 20; -16; 24; -8 |

**KIỂM TRA 15 PHÚT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐGV-HS** | **SẢN PHẨM** |
| **-**GV: Chuẩn bị đề .Giao đề kt cho hs,yêu cầu làm bài nghiêm túc.  -HS: nhận đề  Nội dung kiểm tra: mỗi phần đúng 1,5 đ, 1 điểm trình bày  Bài 1: Tính   1. (-7).21-7.89 2. (-3)2 .5+ 12.(- 6) 3. 346- {12.[52 : (-5)] : (-2)2 }   Bài 2: Tìm x thuộc Z, biết   1. 3x+12=x-2 2. X chia hết cho 5 và -35< x<-10 3. 12 chia hết cho x và -4 < x <10 | **Làm ra giấy kt** |

**Giao việc: Chuẩn bị SGK-SBT học kì II. Đọc trước bài phân số , chuẩn bị kéo,giấy màu**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***